

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG HÒA  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HSST

Ngày 23/02/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, CAO BẰNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Hoàng Quốc Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đàm Quang Bằng và ông Phan Văn Long.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Mã Thư Viện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa:* bà Hoàng Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 23 tháng 02 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2021/HSST ngày 02/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/HSST-QĐTA ngày 11/01/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/HSST-QĐ ngày 24/01/2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 88/TB-TA ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị Phương D - sinh năm 1991.**

Nơi cư trú: Tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn Q – sinh năm 1960; con bà: Nguyễn Thị T – sinh năm 1962; chồng: Nguyễn Xuân T – sinh năm 1991; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021 đến ngày 25/10/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Xuân T - sinh năm 1991 tại TT, BN.**

Nơi cư trú: tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Xuân Tr - sinh năm: 1965; con bà: Nguyễn Thị T - sinh năm: 1964; vợ: Nguyễn Thị Phương D - sinh năm: 1991; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2021 đến ngày 14/10/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Đào Thị G, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bé Thị O, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3. Nông Thị P, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố PC, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

4. Nông Thị T, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

5. Đoàn Thị Ng, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

6. Đàm Thị L, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

7. Nông Thị Th, sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố HTM, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

8. Trần Mạnh H, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

9. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997, trú tại xóm HĐ II, xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

10. Đinh Thị Y, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

11. Đinh Thị M, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố HTM, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

12. Long Ba D1, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa tiếp nhận đơn trình báo của Long Ba D1, trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng về việc: Khoảng cuối năm 2019 và đầu năm 2020 Đào Thị G là vợ của D1 có vay của Nguyễn Thị Phương D tổng số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Gia đình D1 đã trả cho D tổng số tiền lãi là 93.900.000 đồng, tuy nhiên chồng của D là Nguyễn Xuân T vẫn gọi điện và đe dọa vợ D1 trả nợ.

Cùng ngày 05/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa phối hợp với Phòng PC02 Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị Phương D và Nguyễn Xuân T tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng. Quá trình khám xét đã phát hiện và tạm giữ 02 (hai) quyển vở học sinh, 02 (hai) quyển sổ và 01 (một) tờ giấy có dòng kẻ ô ly có ghi các nội dung liên quan đến việc cho vay; 01 (một) bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 439855 mang tên Nguyễn Thu Th. Ngoài ra, Nguyễn Xuân T đã tự giác giao nộp 02 (hai) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 11 Pro Max, máy đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Từ cuối năm 2019 đến ngày bị bắt (05/10/2021) Nguyễn Thị Phương D đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng với lãi suất 0,3%/ngày, 109,5%/năm. Việc thỏa thuận vay giữa Nguyễn Thị Phương D với những người vay tiền thực hiện thanh toán lãi hàng tháng, mỗi tháng tính 30 ngày và không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc. Lãi suất do các bên thỏa thuận cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính cho bản thân, cụ thể như sau:

1. Đào Thị G, sinh năm 1991 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Từ tháng 12/2019 đến khi bị bắt, Nguyễn Thị Phương D cho G vay 02 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng với lãi suất 109,5%/năm để thu lợi bất chính tổng số tiền 73.561.644 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/12/2019 D cho G vay 20.000.000 đồng, đến ngày 14/01/2020 D đã thu của G 01 (một) tháng tiền lãi là 1.800.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa D được phép thu là 328.767 đồng, số tiền đã thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 328.767 đồng = 1.471.233 đồng.

Lần 2: Ngày 14/01/2020 D cho G vay 50.000.000 đồng, cộng với nợ gốc của khoản vay trước thành tổng số tiền là 70.000.000 đồng, mỗi tháng G phải thanh toán 6.300.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 3/2021, D đã thu của G 14 tháng tiền lãi là 88.200.000 đồng. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa được phép thu theo quy định là 16.109.589 đồng, thu lợi bất chính là 88.200.000 đồng - 16.109.589 đồng = 72.090.411 đồng. Ngày 09/6/2021 G trả cho D 3.000.000 đồng nợ gốc và ngày 23/7/2021 trả 2.000.000 đồng nợ gốc, còn 65.000.000 đồng chưa thanh toán.

2. Bé Thị O, sinh năm 1987 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Từ 05/9/2020 đến 09/11/2020 D đã cho O vay 03 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền 5.038.973 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 05/9/2020 D cho O vay 15.000.000 đồng. Đến ngày 09/11/2020 D đã thu 64 ngày tiền lãi với số tiền 2.880.000 đồng. Theo quy định, số tiền lãi tối đa được phép thu là 526.027 đồng, thu lợi bất chính là 2.880.000 đồng - 526.027 đồng = 2.353.973 đồng.

Lần 2: Ngày 24/9/2020 D tiếp tục cho O vay số tiền 15.000.000 đồng. Đến ngày 09/11/2020 D đã thu 45 ngày tiền lãi với số tiền 2.025.000 đồng. Theo quy định, số tiền lãi tối đa được phép thu là 369.863 đồng, thu lợi bất chính là 2.025.000 đồng - 369.863 đồng = 1.655.137 đồng.

Lần 3: Ngày 19/10/2020, D tiếp tục cho O vay số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 09/11/2020 D đã thu 21 ngày tiền lãi với số tiền 1.260.000 đồng. Số tiền lãi tối đa được phép thu là 230.137 đồng, thu lợi bất chính 1.260.000 đồng - 230.137 đồng = 1.029.863 đồng.

Toàn bộ số tiền gốc O đã trả đủ cho D vào ngày 09/11/2020 và ngày 21/11/2020.

3. Nông Thị P, sinh năm 1985 - trú tại tổ dân phố PC, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Từ ngày 25/11/2020 đến 05/9/2021 D đã cho P vay 03 lần với tổng số tiền 67.700.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm để thu lợi bất chính số tiền 11.586.795 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25/11/2020 D cho P vay 22.700.000 đồng, đến ngày 10/02/2021 P thanh toán cho D 20.000.000 đồng (trong đó có 3.200.000 đồng tiền lãi và 16.800.000 đồng tiền nợ gốc), còn nợ 5.900.000 đồng. Đối với khoản vay này do D tính nhầm tiền lãi nên số tiền lãi D đã thu của P chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

Lần 2: Ngày 20/02/2021 D cho P vay số tiền 15.000.000 đồng, cộng cả nợ cũ chưa trả thành tổng tiền vay là 20.900.000 đồng. Đến ngày 29/5/2021 P đã thanh toán cho D toàn bộ số tiền vay gốc và 03 tháng 09 ngày tiền lãi là 6.100.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 1.133.753 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.100.000 đồng - 1.133.753 đồng = 4.966.247 đồng.

Lần 3: Ngày 05/6/2021 D cho P vay số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 05/9/2021 D đã thu của P 03 tháng tiền lãi là 8.100.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 1.479.452 đồng, thu lợi bất chính là 8.100.000 đồng - 1.479.452 đồng = 6.620.548 đồng.

Ngoài ra trong tháng 5/2021 D còn cho P vay số tiền 10.000.000 đồng, mấy hôm sau P trả luôn nên D không lấy lãi. Quá trình cho vay giữa D và P không lập

hợp đồng vay mà D yêu cầu P viết giấy bán xe đối với xe mô tô biển kiểm soát 11U1-051.32, D không giữ xe mà giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001440 của chiếc xe trên mang tên Nông Thị P.

4. Nông Thị T, sinh năm 1991- trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Ngày 29/10/2020 D cho T vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm, mỗi tháng Trang phải thanh toán 5.400.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 01/7/2021 D đã thu của T 08 tháng tiền lãi là 43.200.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa D được phép thu là 7.890.411 đồng, đã thu lợi bất chính là 43.200.000 đồng - 7.890.411 đồng = 35.309.589 đồng. Ngày 09/11/2021 T đã thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc cho D.

5. Đoàn Thị Ng, sinh năm 1984 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng: Ngày 13/8/2021 D cho Ng vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm. Đến ngày 08/9/2021 Ng đã trả cho D toàn bộ số tiền gốc và 7.500.000 đồng tiền lãi của 25 ngày. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa D được phép thu là 1.369.863 đồng, thu lợi bất chính là 7.500.000 đồng - 1.369.863 đồng = 6.130.137 đồng.

Ngoài ra, ngày 19/9/2021 D tiếp tục cho Ng vay số tiền 100.000.000 đồng, cũng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, đến ngày 05/11/2021 Ng trả cho D toàn bộ số tiền gốc và D không lấy lãi đối với khoản vay này.

6. Đàm Thị L, sinh năm 1988 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng: Từ ngày 26/01/2021 đến khi bị bắt, D đã cho L vay 04 lần với tổng số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền 36.780.822 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 26/01/2021 D cho L vay số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 26/02/2021 L đã trả cho D toàn bộ số tiền gốc và 01 tháng tiền lãi là 4.500.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 821.918 đồng, thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng - 821.918 đồng = 3.678.082 đồng.

Lần 2: Ngày 23/5/2021 D cho L vay số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 30/7/2021 L đã trả cho D toàn bộ số tiền gốc và 02 tháng tiền lãi là 9.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 1.643.836 đồng, thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng - 1.643.836 đồng = 7.356.164 đồng.

Lần 3: Ngày 26/5/2021 D cho L vay số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 30/7/2021 L đã trả cho D toàn bộ số tiền gốc và 02 tháng tiền lãi là 18.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 3.287.671 đồng, thu lợi bất chính là 18.000.000 đồng – 3.287.671 đồng = 14.712.329 đồng.

Lần 4: Ngày 30/7/2021 sau khi trả hết số tiền nợ gốc và lãi của 02 khoản vay trước, L tiếp tục vay D số tiền 150.000.000 đồng. (Số tiền 150.000.000 đồng D cho L vay lần này là số tiền gốc L vừa trả 02 khoản vay trước). Đến ngày 30/8/2021 D đã thu của L 01 tháng tiền lãi là 13.500.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 2.465.753 đồng, thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng – 2.465.753 đồng = 11.034.247 đồng. Tháng 11 năm 2021 L đã trả cho D số tiền gốc là 100.000.000 đồng, hiện L còn nợ D số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, từ ngày 23/8/2021 đến ngày 27/9/2021 D còn cho L vay 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày nhưng đến nay L chưa trả nợ gốc và lãi.

7. Nông Thị Th, sinh năm 1959 - trú tại tổ dân phố HTM, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng: Ngày 17/5/2021 D cho bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm, mỗi tháng bà Th phải thanh toán 4.500.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 01/9/2021 D đã thu của bà Th 04 tháng tiền lãi là 18.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 3.287.671 đồng, thu lợi bất chính là 18.000.000 đồng – 3.287.671 đồng = 14.712.329 đồng. Số tiền nợ gốc đến nay bà Th vẫn chưa thanh toán cho D.

8. Trần Mạnh H, sinh năm 1987 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng: Ngày 08/7/2021 D cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm, mỗi tháng anh H phải thanh toán 900.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 01/9/2021 D đã thu của anh H 02 tháng tiền lãi là 1.800.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 328.767 đồng, thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 328.767 đồng = 1.471.233 đồng. Tháng 11 năm 2021 H đã trả toàn bộ số nợ gốc cho D.

9. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997- trú tại xóm HĐ II, xã HP, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng: Ngày 27/8/2021 D cho Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm, mỗi tháng Đ phải thanh toán 1.800.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 27/9/2021 D đã thu của Đ 01 tháng tiền lãi là 1.800.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa

được phép thu là 328.767 đồng, thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 328.767 đồng = 1.471.233 đồng. Số tiền nợ gốc ngày 10/11/2021 Đ đã thanh toán hết cho D.

10. Đinh Thị Y, sinh năm 1985 - trú tại tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng: Từ ngày 25/8/2020 đến khi bị bắt, D đã cho Y vay tiền nhiều lần với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 109,5%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền 14.359.452 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25/8/2020 D cho Y vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 25/9/2020 D đã thu của Y 01 tháng tiền lãi là 2.700.000 đồng, đến ngày 08/10/2020 Y đã trả cho D toàn bộ số tiền vay gốc và tiền lãi của 12 ngày còn lại là 1.000.000 đồng (D đã bớt 80.000 đồng), tổng số tiền lãi D đã thu là 3.700.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi tối đa được phép thu là 690.411 đồng, thu lợi bất chính là 3.700.000 đồng – 690.411 đồng = 3.009.589 đồng.

Lần 2: Ngày 25/11/2020 D cho Y vay số tiền 35.000.000 đồng, đến ngày 06/02/2021 Y đã trả cho D 5.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của 71 ngày là 4.400.000 đồng. Đối với khoản vay này do D tính nhầm nên số tiền lãi đã thu từ Y chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Số tiền gốc chưa thanh toán là 30.000.000 đồng.

Ngày 06/3/2021 Y đã trả cho D 7.000.000 đồng tiền gốc và 01 tháng tiền lãi là 2.700.000 đồng, số tiền lãi tối đa được phép thu là 493.151 đồng, thu lợi bất chính là 2.700.000 đồng – 493.151 đồng = 2.206.849 đồng. Số tiền gốc chưa thanh toán là 23.000.000 đồng.

Ngày 06/4/2021, Y đã trả cho D 3.000.000 đồng tiền gốc và 01 tháng tiền lãi là 2.000.000 đồng (D đã bớt cho 70.000 đồng), số tiền lãi tối đa được phép thu là 378.082 đồng, thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng – 378.082 đồng = 1.621.918 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 20.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2021, Y trả cho D 02 tháng tiền lãi là 3.600.000 đồng, số tiền lãi tối đa được phép thu là 657.534 đồng, thu lợi bất chính là 3.600.000 đồng – 657.534 đồng = 2.942.466 đồng.

Ngày 01/7/2021 D cho Y vay thêm 5.000.000 đồng, không tính lãi suất. Cộng cả nợ cũ thì Y còn nợ D số tiền gốc là 25.000.000 đồng.

Ngày 08/7/2021 Y đã trả cho D 5.000.000 đồng, trong đó có 01 tháng tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng là 1.800.000 đồng và 3.200.000 đồng tiền nợ gốc. Số tiền lãi tối đa được phép thu của khoản vay này là 328.767 đồng, thu lợi

bất chính là  $1.800.000 \text{ đồng} - 328.767 \text{ đồng} = 1.471.233 \text{ đồng}$ . Số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là  $21.800.000 \text{ đồng}$ .

Ngày 10/8/2021 Y đã trả cho D  $5.000.000 \text{ đồng}$ , trong đó có 01 tháng tiền lãi của khoản vay  $21.800.000 \text{ đồng}$  là  $1.900.000 \text{ đồng}$  và  $3.100.000 \text{ đồng}$  tiền nợ gốc. Số tiền lãi tối đa được phép thu của khoản vay này là  $358.356 \text{ đồng}$ , thu lợi bất chính là  $1.900.000 \text{ đồng} - 358.356 \text{ đồng} = 1.541.644 \text{ đồng}$ . Số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là  $18.700.000 \text{ đồng}$ .

Ngày 26/8/2021 D tiếp tục cho Y vay số tiền  $4.900.000 \text{ đồng}$ , lãi suất  $3.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/1 \text{ ngày}$ , tương ứng  $109,5\%/năm$ , cộng cả nợ cũ thì tổng số tiền Y còn nợ D là  $23.600.000 \text{ đồng}$ . Ngày 06/9/2021 Y trả cho D  $3.100.000 \text{ đồng}$  tiền nợ gốc và  $1.900.000 \text{ đồng}$  tiền lãi (trong đó có  $300.000 \text{ đồng}$  là tiền lãi 10 ngày của khoản vay  $4.900.000 \text{ đồng}$  và 01 tháng tiền lãi của khoản vay  $18.700.000 \text{ đồng}$  là  $1.600.000 \text{ đồng}$  do D đã bớt cho  $83.000 \text{ đồng}$ ). Số tiền lãi tối đa được phép thu của khoản vay này là  $334.247 \text{ đồng}$ , thu lợi bất chính là  $1.900.000 \text{ đồng} - 334.247 \text{ đồng} = 1.565.753 \text{ đồng}$ . Đến ngày 01/11/2021 Y đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là  $20.500.000 \text{ đồng}$ .

Khi cho vay, D không viết giấy tờ về việc vay mượn tiền mà yêu cầu Y viết giấy bán xe đối với xe mô tô biển kiểm soát 11U1- 129.42, D không giữ xe mà chỉ giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010505 của chiếc xe trên mang tên Đinh Thị Y.

11. Đinh Thị M, sinh năm 1973 - trú tại tổ dân phố HTM, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng: Vào giữa năm 2019 (không rõ thời gian cụ thể) D cho M vay số tiền  $10.000.000 \text{ đồng}$  với lãi suất  $3.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/1 \text{ ngày}$ , tương ứng  $109,5\%/năm$ , mỗi tháng M phải trả số tiền lãi là  $900.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay này, D đã thu của M 07 tháng tiền lãi là  $6.300.000 \text{ đồng}$ . Đến tháng 9/2021 M trả cho D  $3.000.000 \text{ đồng}$  tiền nợ gốc, hiện còn  $7.000.000 \text{ đồng}$  tiền nợ gốc chưa trả. Đối với khoản vay này, số tiền lãi tối đa được phép thu là  $1.150.685 \text{ đồng}$ , thu lợi bất chính là  $6.300.000 \text{ đồng} - 1.150.685 \text{ đồng} = 5.149.315 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị Phương D đã cho 11 (mười một) người vay vượt quá 5 lần mức lãi suất quy định là  $687.600.000 \text{ đồng}$ , thu lợi bất chính tổng số tiền là  $205.571.520 \text{ đồng}$ .

Ngoài ra, D còn cho nhiều người khác vay với lãi suất chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự hoặc không tính lãi suất như:

1. Lục Khánh H, sinh năm 1992 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Tháng 02/2021 D cho H vay 02 lần với tổng số tiền  $120.000.000 \text{ đồng}$  không lấy lãi; Ngày 06/5/2021 D cho H vay số tiền  $100.000.000 \text{ đồng}$ , thỏa thuận lãi suất  $7.000.000 \text{ đồng}/1 \text{ tháng}$ , tương ứng với  $2.333 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/$



ngày (lãi suất 0,233%/1 ngày, 85%/1 năm, mức lãi suất D cho vay cao gấp 4.25 lần so mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, khoản vay này Hòa đã trả cho D 04 (bốn) tháng tiền lãi tương đương với số tiền 28.000.000 đồng. Hiện H còn nợ D 100.000.000 đồng tiền gốc đã vay.

2. Lý Thị C, sinh năm 1979 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng có vay của D nhiều lần thỏa thuận lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng 91.25%/năm gấp 4.56 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Ngày 14/8/2020 C vay D số tiền 40.000.000 đồng, việc cho vay không làm giấy tờ vay mượn hay thế chấp gì, C chưa trả cho D tiền gốc và lãi.

Ngày 27/8/2020 C tiếp tục vay của D số tiền 130.000.000 đồng, không làm giấy tờ vay mượn hay thế chấp gì, trong khoản vay này C đã trả cho D 01 (một) tháng tiền lãi là: 9.750.000 đồng. Còn tiền nợ gốc và các tiền lãi về sau chưa trả cho D.

Ngày 07/2/2020 C tiếp tục vay D số tiền là 40.000.000 đồng, không làm giấy tờ vay mượn hay thế chấp gì, trong khoản vay này C chưa trả cho D tiền lãi và tiền gốc.

Đến ngày 07/2/2021 D chốt lại các khoản nợ như sau: Tại khoản vay ngày 14/8/2020 chốt số tiền nợ là 57.300.000, trong đó 40.000.000 đồng tiền nợ gốc và 17.300.000 đồng tiền lãi. Tại khoản vay ngày 27/8/2020 chốt số tiền nợ là 172.250.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi là 42.250.000 đồng. Tại khoản vay ngày 03/9/2020 chốt số tiền nợ là 55.400.000 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 15.400.000 đồng. Tổng tiền C nợ D là 210.000.000 đồng tiền gốc và 74.950.000 đồng tiền lãi, đến nay C vẫn chưa trả khoản nào.

3. Lôi Phạm D2, sinh năm 1987 - trú tại phố HB, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Khoảng năm 2018 (không rõ thời gian cụ thể) vay D 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 triệu /ngày, tương ứng 0.2%/ ngày, 73%/năm gấp 3.65 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (chưa quá 5 lần theo quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự). Do thời gian lâu nên D không nhớ rõ cụ thể thời gian vay và trả lãi, hiện tại D2 không nợ D.

4. Nguyễn Thu Th, sinh năm 1984 - tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng vay D 03 (ba) lần với tổng số tiền 160.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thế chấp giấy tờ.

Tháng 8/2021 Th vay của D và Nguyễn Xuân T (chồng của D) số tiền là 440.000.000 đồng để tất toán khoản vay 440.000.000 đồng tại ngân hàng Agribank. Sau đó nhờ T đứng tên sổ đỏ để vay ngân hàng Vietinbank với số tiền là 950.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền 950.000.000 đồng, Th trả D và Toàn 440.000.000 đồng đã vay vào tháng 8/2021 và 160.000.000 đồng của 03 (ba) lần vay trước, sau khi trả xong Th cho D 10.000.000 đồng tiền lãi. Hiện tại Th không còn nợ D.

5. Nguyễn Bích H, sinh năm 1983 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Ngày 10/9/2021 nhờ D chuyển khoản cho người khác với số tiền là: 50.000.000 đồng, đến ngày 12/9/2021 trả D 50.000.000 đồng, do nhờ D chuyển khoản nên D không lấy lãi.

6. Triệu Vân A, sinh năm 1973 - tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Ngày 21/2/2021 vay D 15.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ, đến ngày 08/8/2021 trả cho D 2.000.000 đồng tiền nợ gốc. Hiện tại Vân A còn nợ D số tiền là 13.000.000 đồng.

7. Ma Thị Th, sinh năm 1990 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng vay D 02 (hai) lần, với tổng số tiền 19.800.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ. Ma Thị Th đã trả cho D 5.000.000 đồng tiền nợ gốc, hiện tại còn nợ D số tiền 14.800.000 đồng.

8. Trần Yến Nh, sinh năm 2003 - tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng vay D 02 (hai) lần, với tổng số tiền 5.800.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ. Nh đã trả cho D 4.800.000 đồng tiền nợ gốc, hiện tại còn nợ D số tiền 1.000.000 đồng.

9. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Từ đầu năm 2017 vay của D số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ, khoảng 04 (bốn) tháng sau tiếp tục vay D số tiền 100.000.000 đồng không thỏa thuận tiền lãi và thể chấp giấy tờ gì. Hiện tại H còn nợ D số tiền 200.000.000 đồng.

10. Nông Khánh L, sinh năm 1989 - trú tại tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Tháng 5/2020 vay của D số tiền 17.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ, khoản vay này L chưa trả D.

11. Nguyễn Bích H, sinh năm 1992 - trú tại tổ x, phường SB, thành phố CB, Cao Bằng: Ngày 28/2/2021 có vay của D số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ, khoản vay này H đã trả D.

12. Triệu Thị T, sinh năm 1981 - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Đầu năm 2020 D cho Triệu Thị T vay số tiền 11.000.000 đồng,

không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ, ngoài ra Triệu Thị T còn nợ D tiền quần áo là 12.220.000 đồng. Hiện nay Triệu Thị T vẫn chưa trả nợ D.

13. Mã Thị H, sinh năm 1966 - trú tại tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Vào tháng 7/2017 (không rõ thời gian cụ thể) vay D số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ, đến thời điểm hiện tại Mã Thị H vẫn chưa trả tiền cho D.

14. Mã Thị Đ, sinh năm 1988 - trú tại phố HTM, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Vào tháng 4/2021 (không nhớ ngày cụ thể) vay D số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ. Khoản vay này Mã Thị Đ đã trả cho D.

15. Dương Thị Hạnh H, sinh năm 1993 - trú tại tổ dân phố HTM, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng: Từ cuối năm 2019 đến nay có vay của D nhiều lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ. Đầu năm 2021, H đã trả cho D 10.000.000 đồng, hiện tại còn nợ D 25.000.000 đồng. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh được biết Dương Thị Hạnh H đã cắt khẩu khỏi địa phương, đi đâu, làm gì không rõ nên không triệu tập, lấy lời khai làm rõ được.

16. Mã Thị Ch, sinh năm 1991 - trú tại xóm ĐK, xã PS, Quảng Hòa, Cao Bằng: Cuối năm 2019 có vay D số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và không thể chấp giấy tờ, hiện tại chưa trả tiền cho D. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh được biết Mã Thị Ch hiện nay không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ nên không triệu tập, lấy lời khai làm rõ được.

17. Hoàng Thị Hằng Ng, sinh năm 1974 - trú tại tổ x, phường TG, thành phố CB, Cao Bằng có vay D nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể từng lần vay, các lần vay đều không thỏa thuận lãi suất và không thể chấp giấy tờ. Hiện tại Ng còn nợ D 20.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Xuân T là chồng của Nguyễn Thị Phương D quá trình điều tra khai nhận: Khi Đào Thị G gọi điện hỏi D vay tiền lần thứ nhất vào ngày 20/12/2019 với số tiền là 20.000.000 đồng, D có bảo với Toàn cho vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày được T đồng ý. Đến ngày 14/01/2021 D có bảo cho T biết việc G tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng, cộng nợ cũ 20.000.000 đồng thành 70.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cùng đồng ý cho vay và từ ngày 26/3/2021 trở đi G không trả tiền lãi thì T đã nhiều lần dùng điện thoại của mình để nhắn tin, gọi điện cho G yêu cầu G trả số tiền đã vay. Việc D cho Nguyễn Thị Thu H, Mã Thị H và Mã Thị Th vay tiền không thỏa thuận lãi suất thì T cũng được biết. Còn những người khác D cho vay lãi nặng T không biết.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Phương D và Nguyễn Xuân T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKSQH ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương D và Nguyễn Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị G khai nhận: Hai lần G vay tiền với Nguyễn Thị Phương D thì Nguyễn Xuân T là chồng của D đều biết G vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, trong tin nhắn của D thì D có nói T biết, khi G đến trả tiền lãi có gặp T ở nhà, T cũng biết G đến trả tiền lãi tiền vay. Từ ngày 26/3/2021 trở đi G không trả tiền lãi thì T đã nhiều lần dùng điện thoại để nhắn tin, gọi điện đe dọa yêu cầu G trả số tiền đã vay. Đối với số nợ gốc chưa trả, Đào Thị G yêu cầu được trừ vào số tiền lãi vượt quy định đã trả cho D.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bé Thị O, Nông Thị P, Nông Thị T, Đoàn Thị Ng, Trần Mạnh H, Nguyễn Văn Đ, Đinh Thị Y đã thanh toán hết nợ gốc cho D có đơn xin xét xử vắng mặt và đã nhận lại từ D số tiền lãi vượt quá quy định nên không có yêu cầu gì. Đối với Đàm Thị L còn nợ D tiền gốc là 50.000.000 đ, Nông Thị Th còn nợ Dung tiền gốc là 50.000.000 đồng và Đinh Thị M còn nợ D tiền gốc là 7.000.000 đồng có đơn xin vắng mặt và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc và đã nhận lại số tiền lãi vượt quá quy định nên không có yêu cầu gì thêm. Đối với Long Ba D1 có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng khoản 1, Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương D từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

+ Về hình phạt bổ sung do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị xử lý theo quy định.

- Đối với số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật dân sự cần tịch thu sung quỹ nhà nước do đây là khoản thu lợi từ việc phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương D phải nộp lại số tiền lãi phát sinh từ phạm tội là 45.993.479 đồng .

- Đối với số tiền lãi đã vượt mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 205.571.521 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Thị Phương D đã tự nguyện trả lại cho những người liên quan và không có ai yêu cầu gì thêm. Đối với Đào Thị G yêu cầu được trừ vào số tiền lãi vượt quy định đã trả vào số tiền gốc còn nợ Dung. Xét thấy tổng số tiền bị cáo Dung đã thu của G vượt quá quy định là 73.561.644 đồng nên cần buộc bị cáo D phải hoàn trả cho G số tiền này.

Đối với số tiền gốc bị cáo D cho người khác vay. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được tổng số tiền gốc thực tế cho vay là 687.600.000 đồng. Trong đó Đào Thị G, Đàm Thị L, Nông Thị Th, Đinh Thị M chưa trả tiền gốc cho bị cáo D nên cần buộc những người này phải nộp vào ngân sách nhà nước. Cụ thể Đào Thị G phải nộp 65.000.000 đồng, Đàm Thị L phải nộp 50.000.000 đồng, Nông Thị Th phải nộp 50.000.000 đồng, Đinh Thị M phải nộp 7.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương D phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay là 515.600.000 đồng.

Đối với số tiền bị cáo D vay của những người khác, do những người này không có yêu cầu nên không xem xét.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo đề nghị xem xét lại đối với đề nghị tịch thu số tiền gốc cho những người vay.

Khi được nói lời sau cùng:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Phương D: bản thân đang nuôi hai con nhỏ, hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật. Trước khi phạm tội bị cáo là công dân tốt. Khi cho vay không có hành vi côn đồ. Mong Hội đồng xét xử xem xét công minh.

+ Bị cáo Nguyễn Xuân T: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử tạo điều kiện để sửa sai làm công dân tốt hơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với đơn trình báo, biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản mở niêm phong kiểm tra đồ vật tạm giữ, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Từ cuối năm 2019 đến ngày bị bắt (05/10/2021) bị cáo Nguyễn Thị Phương D đã cho 11 (mười một) người vay tiền gồm: Đào Thị G, Bé Thị O, Nông Thị P, Nông Thị T, Đoàn Thị Ng, Đàm Thị L, Nông Thị Th, Trần Mạnh H, Nguyễn Văn Đ, Đinh Thị Y, Đinh Thị M vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng với lãi suất 0,3%/ngày, 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 205.571.520 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Phương D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Xuân T, khi Đào Thị G nhắn tin, gọi điện hỏi D vay tiền D có nói với T cho G vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mặc dù biết D cho vay tiền với lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng vẫn đồng ý cho vay và giúp D nhắn tin, gọi điện để yêu cầu buộc Đào Thị G phải tiếp tục trả nợ. Số tiền thu được từ việc cho vay lãi nặng đều sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo

quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Xét trong vụ án các bị cáo phạm tội đồng phạm với tính chất giản đơn, 02 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ khác nhau nên Hội đồng xét xử cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, trên cơ sở đó cụ thể hoá mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thị Phương D là người thực hành. Do đó, để có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy các bị cáo sẽ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Thị Phương D đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá quy định của pháp luật cho những người vay nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương D có 02 lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Xuân T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, có nghề nghiệp là buôn bán, có thu nhập đảm bảo cho việc thi hành án. Bị cáo Dung là phụ nữ đang nuôi hai con nhỏ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục; tạo điều kiện cho các bị cáo sớm sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, tu dưỡng thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng các điều luật đối với các bị cáo và xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ pháp luật.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị Phương D cho người khác vay. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được tổng số tiền gốc thực tế bị cáo D cho vay tính lãi nặng trong giao dịch dân sự là 687.600.000 đồng. (Đào Thị G 70.000.000 đồng; Bé Thị O 50.000.000 đồng; Nông Thị P 50.900.000 đồng; Nông Thị T 60.000.000 đồng; Đoàn Thị Ng 100.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ 20.000.000 đồng; Nông Thị Th 50.000.000 đồng; Trần Mạnh H 10.000.000 đồng; Đàm Thị L 200.000.000 đồng; Đinh Thị Y 66.700.000 đồng; Đinh Thị M 10.000.000 đồng). Trong đó Đào Thị G, Đàm Thị L, Nông Thị Th, Đinh Thị M chưa trả tiền gốc cho bị cáo D nên cần buộc những người này phải nộp vào ngân sách nhà nước. Cụ thể Đào Thị G 65.000.000 đồng, Đàm Thị L 50.000.000 đồng, Nông Thị Th 50.000.000 đồng, Đinh Thị M 7.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương D phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay là 515.600.000 đồng.

[5.2] Đối với khoản tiền lãi 45.993.779 đồng trong phạm vi pháp luật cho phép (20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương D phải nộp lại vào ngân sách Nhà nước.

[5.3] Đối với khoản tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đây là khoản tiền thu lời bất chính, bị cáo chiếm đoạt trái phép của những người vay, buộc bị cáo trả lại cho những người vay. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Nguyễn Thị Phương D đã tự nguyện trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 130.870.000 đồng và không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị G, chồng là Long Ba D1 có yêu cầu được cản trừ vào nợ gốc còn nợ là 65.000.000 đồng, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy số tiền G vay là phương tiện phạm tội nên cần tịch



thu nộp vào ngân sách nhà nước. Do đó buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương D trả lại số tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm) cho Đào Thị G (chồng là Long Ba D1) số tiền 73.561.644 đồng.

[5.4] Về xử lý vật chứng:

- 01 quyển vở học sinh bên ngoài có ghi chữ “Trường tiểu học QU”; 01 quyển vở học sinh bìa ngoài màu vàng có ghi chữ “công nợ 2021 Phương D”; 01 tờ giấy kê ô ly liên quan đến việc cho vay tiền; 01 quyển sổ bìa màu xanh đen bên ngoài có ghi chữ “COD T&T”. Đây là các quyển sổ của Nguyễn Thị Phương D dùng để ghi chép các khách nợ tiền quần áo và số tiền vay cùng trả lãi của các khách vay tiền nên cần tịch thu, các tài liệu này đã được đánh bút lục lưu hồ sơ vụ án.

- 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 439855 mang tên Nguyễn Thu Th do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 353894100951374, bên trong có gắn sim số thuê bao 0984699666, máy đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của Nguyễn Xuân T có dùng để nhắn tin, gọi điện cho Đào Thị G yêu cầu trả nợ nên tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 353890100383659, bên trong có gắn sim số thuê bao 0986557654, máy đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của Nguyễn Thị Phương D có sử dụng để trao đổi, giao dịch liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 001440 mang tên Nông Thị P; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 010505 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số 017571917 mang tên Đinh Thị Y. Đây là các giấy tờ xe của Nông Thị P và Đinh Thị Y để lại khi vay tiền với Dung nên trả lại cho Nông Thị P và Đinh Thị Y.

[6] Đối với các tình tiết khác trong vụ án: Ngoài các khoản vay với lãi suất như trên, bị cáo Dung còn cho 17 người khác vay tiền với lãi suất chưa đủ mức cấu thành tội phạm; các khoản vay thỏa thuận với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày nhưng người vay chưa trả nợ gốc và lãi, những khoản vay đã trả nhưng D không lấy lãi nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương D còn vay tiền của Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị T, Trần Trung K không có lãi suất. Đối với Nguyễn Thị Hồng H cho bị cáo vay với mức lãi suất nằm trong phạm vi pháp luật cho phép nên không có căn cứ để xử lý. Đây là những giao dịch dân sự giữa bị cáo và những người trên. Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị T, Trần Trung K đều không có yêu cầu bị

cáo D phải trả số tiền đã vay, tại phiên tòa mặc dù được triệu tập nhưng những người trên có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu gì; đối với Nguyễn Thị Hồng H trong đơn xin vắng mặt có đề nghị hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát xác định Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị T, Trần Trung K, Nguyễn Thị Hồng H là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác vì đây là quan hệ giao dịch dân sự không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về trách nhiệm hình sự:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương D và Nguyễn Xuân T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

*Căn cứ khoản 2, Điều 201 và điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương D hình phạt chính với số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 1, Điều 201 và điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T hình phạt chính với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

**2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

#### **2.1 Biện pháp tư pháp**

- Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương D:

+ Số tiền 515.600.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng) là công cụ phương tiện phạm tội để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Số tiền 45.993.779 đồng (bốn mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng), đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm đề nộp vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nộp và ngân sách nhà nước số tiền cụ thể:

+ Đào Thị G số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng).

+ Nông Thị Th số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

+ Đàm Thị L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

+ Đinh Thị M số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương D trả lại số tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm) cho Đào Thị G (chồng là Long Ba D1) - trú tại tổ dân phố HN, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng số tiền 73.561.644 đồng (bảy mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.*

## 2.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu 01 quyển vở học sinh bên ngoài có ghi chữ “Trường tiểu học QU”; 01 quyển vở học sinh bìa ngoài màu vàng có ghi chữ “công nợ 2021 Phương D”; 01 tờ giấy kê ô ly liên quan đến việc cho vay tiền; 01 quyển sổ bìa màu xanh đen bên ngoài có ghi chữ “COD T&T”. Đây là các quyển sổ của Nguyễn Thị Phương D dùng để ghi chép các khách nợ tiền quần áo và số tiền vay cùng trả lãi của các khách vay tiền, các tài liệu này đã được đánh bút lục lưu hồ sơ vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 439855 mang tên Nguyễn Thu Th do không có giá trị sử dụng.

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 353894100951374, bên trong có gắn sim số thuê bao 0984699666, máy đã qua sử dụng.

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 353890100383659, bên trong có gắn sim số thuê bao 0986557654, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại Nông Thị P, trú tại tổ dân phố PC, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 001440 mang tên Nông Thị P.

- Trả lại cho Đinh Thị Y, trú tại tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 010505 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số 017571917 mang tên Đinh Thị Y.

*(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa tại Biên bản giao nhận vật chứng, lập hồi 10 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2021).*

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương D và Nguyễn Xuân T, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc niêm yết Bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ CAT Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Công an huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THA DS huyện QH;
- UBND thị trấn QU;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Hoàng Quốc Khánh**